

BÁO CÁO

Về việc đề xuất danh mục công trình (dự án) ưu tiên đầu tư để thực hiện mục tiêu cấp nước sạch đạt quy chuẩn 2026-2030

Thực hiện Công văn số 6911/UBND-NNMT ngày 15/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo, tổng hợp nhu cầu đầu tư để thực hiện mục tiêu cấp nước sạch đạt quy chuẩn giai đoạn 2026-2030; Công văn số 8031/SNNMT-TL ngày 14/07/2026 của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi về việc đề xuất danh mục công trình (dự án) ưu tiên đầu tư để thực hiện mục tiêu cấp nước sạch đạt quy chuẩn giai đoạn 2026-2030. Qua rà soát hiện trạng, UBND xã Kon Braih báo cáo, cụ thể như sau

I. Hiện trạng công tác cấp nước sạch nông thôn

1. Khái quát chung

Xã Kon Braih là xã miền núi, dân cư phân bố không tập trung, điều kiện địa hình phức tạp, khoảng cách giữa các khu dân cư tương đối xa, gây khó khăn trong đầu tư xây dựng và quản lý vận hành hệ thống cấp nước tập trung. Nguồn nước phục vụ sinh hoạt chủ yếu là các công trình cấp nước tập trung kết hợp với các nguồn nước phân tán của hộ gia đình.

Trong những năm qua, được sự quan tâm của Trung ương, tỉnh và địa phương, nhiều công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn đã được đầu tư xây dựng, góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường và từng bước hoàn thành các tiêu chí xây dựng nông thôn mới.

2. Hiện trạng các công trình cấp nước

- Hiện nay trên địa bàn xã Kon Braih có 01 công trình (công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Kon Rẫy) do Trung tâm cung ứng dịch vụ công ích xã quản lý. Công trình được đầu tư xây dựng từ năm 2015, qua nhiều năm sử dụng hiện nay một số hạng mục công trình đã bị xuống cấp, hư hỏng. Với công suất thiết kế và xây dựng là 2.000m³/ngày, đêm; tuy nhiên đến thời điểm hiện nay chỉ khai thác, sử dụng đáp ứng nhu cầu sử dụng nước khoảng 400m³/ngày, đêm phục vụ cho khoảng 693 hộ gia đình và các hộ kinh doanh trong vùng của dự án

Mặc dù còn nhiều khó khăn, hệ thống cấp nước tập trung trên địa bàn đã góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, giảm thiểu nguy cơ ô nhiễm môi trường và hỗ trợ thực hiện các tiêu chí xây dựng nông thôn mới. Tuy nhiên, để đạt mục tiêu nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đến năm 2030, địa phương cần tiếp tục ưu tiên đầu

tư sửa chữa, nâng cấp các công trình xuống cấp và đầu tư mới tại các khu vực còn thiếu nước sinh hoạt.

3. Đánh giá chung

- Hệ thống cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn đã phát huy hiệu quả trong việc cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân; tuy nhiên, trước yêu cầu nâng cao tỷ lệ người dân được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn đến năm 2030, nhiều công trình cần được sửa chữa, nâng cấp và đầu tư mới.

- Các khó khăn chủ yếu gồm:

+ Công trình được đầu tư từ nhiều giai đoạn khác nhau, hiện đã xuống cấp.

+ Thiếu kinh phí duy tu, bảo dưỡng định kỳ.

+ Ảnh hưởng của biến đổi khí hậu làm suy giảm nguồn nước vào mùa khô.

II. Kế hoạch triển khai thực hiện

1. Mục tiêu

- Bảo đảm người dân nông thôn được sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn theo mục tiêu của Trung ương và của tỉnh đến năm 2030.

- Nâng cao năng lực cấp nước của các công trình hiện có.

- Đầu tư bổ sung các công trình tại khu vực còn thiếu nước sinh hoạt.

- Nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác và sử dụng bền vững các công trình cấp nước.

2. Nhiệm vụ, giải pháp

a) Rà soát, đánh giá hiện trạng

Thường xuyên rà soát tình trạng hoạt động của các công trình cấp nước; cập nhật nhu cầu sử dụng nước của người dân để xây dựng kế hoạch đầu tư phù hợp.

b) Đầu tư xây dựng

Ưu tiên sửa chữa, nâng cấp các công trình xuống cấp; đầu tư mới các công trình tại khu vực chưa đáp ứng nhu cầu; mở rộng phạm vi cấp nước đối với các công trình còn khả năng khai thác.

c) Huy động nguồn lực

Tập trung huy động nguồn lực từ ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương, các chương trình mục tiêu quốc gia và các nguồn vốn hợp pháp khác để đầu tư phát triển hệ thống cấp nước sạch nông thôn.

d) Quản lý, vận hành

Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước; thực hiện bảo dưỡng định kỳ, nâng cao năng lực quản lý, vận hành nhằm phát huy hiệu quả công trình sau đầu tư.

đ) Tuyên truyền

Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về sử dụng nước sạch, tiết kiệm nước và bảo vệ công trình cấp nước.

3. Nguồn lực thực hiện

- Ngân sách địa phương.
- Nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia.
- Nguồn ngân sách Trung ương hỗ trợ.
- Các nguồn vốn hợp pháp khác.

4. Tổ chức thực hiện

UBND xã giao phòng Xây dựng, nông nghiệp và môi trường chủ trì phối hợp với các phòng chuyên môn, các thôn và đơn vị quản lý công trình tổ chức rà soát hiện trạng, lập kế hoạch đầu tư, quản lý vận hành và theo dõi hiệu quả các công trình; định kỳ báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

III. Tình hình thực hiện

1. Kết quả đạt được

Các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn trên địa bàn đã góp phần cải thiện điều kiện sinh hoạt của người dân, nâng cao chất lượng môi trường, giảm nguy cơ phát sinh dịch bệnh và phục vụ hiệu quả Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Địa phương đã thường xuyên kiểm tra, sửa chữa nhỏ và duy trì hoạt động của các công trình đang khai thác nhằm bảo đảm cấp nước cho người dân.

2. Khó khăn, tồn tại

- Nhiều công trình xuống cấp sau thời gian dài sử dụng.
- Thiếu nguồn kinh phí để sửa chữa đồng bộ.
- Một số công trình thiếu nguồn nước trong mùa khô.

3. Nguyên nhân

- Nguồn vốn đầu tư còn hạn chế.
- Điều kiện tự nhiên không thuận lợi.
- Biến đổi khí hậu làm ảnh hưởng đến nguồn nước.
- Kinh phí duy tu, bảo dưỡng hằng năm chưa đáp ứng yêu cầu.

4. Đề xuất, kiến nghị

Qua rà soát hiện trạng, UBND xã Kon Braih đề xuất ưu tiên nâng cấp, sửa chữa và đầu tư mới các công trình cấp nước sinh hoạt nông thôn giai đoạn 2026 - 2030 theo danh mục tại *Phụ lục II kèm theo*; trong đó ưu tiên sửa chữa, nâng cấp các công trình đã xuống cấp và đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ đầu tư đối với công trình có kinh phí lớn, vượt khả năng cân đối của ngân sách địa phương.

Đề nghị Sở Nông nghiệp và Môi trường xem xét tổng hợp danh mục các công trình của xã vào kế hoạch đầu tư của tỉnh; tham mưu UBND tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Môi trường xem xét bố trí nguồn vốn để thực hiện.

UBND xã Kon Braih cam kết các thông tin, số liệu trong báo cáo được tổng hợp từ kết quả rà soát thực tế; chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu và sẽ quản lý, khai thác, vận hành các công trình sau đầu tư đúng quy định, bảo đảm hiệu quả và bền vững.

Trên đây là Báo cáo của UBND xã Kon Braih về việc đề xuất danh mục công trình (dự án) ưu tiên đầu tư để thực hiện mục tiêu cấp nước sạch đạt quy chuẩn 2026-2030./.

Nơi nhận:

- Sở NN&MT (b/c);
- TT HĐND xã (b/c);
- CT, 02 đ/c phó chủ tịch xã;
- Lưu VT. 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Trung

PHỤ LỤC II
Tổng hợp nhu cầu đầu tư công trình cấp nước sạch nông thôn giai đoạn 2026-2030
 (Kèm theo Báo cáo số 50/BC-UBND ngày 23 tháng 7 năm 2026 của UBND Kon Braih)

TT	Danh mục dự án đầu tư	Địa điểm xây dựng	Hình thức đầu tư (Xây mới/nâng cấp, sửa chữa, mở rộng)	Quy mô (m3/ng.đ)	Số hộ hưởng lợi dự kiến	Tổng mức đầu tư(triệu đồng)	Thời gian dự kiến (KC-HT)	Ghi chú
Mục tiêu cấp nước sạch nông thôn đến năm 2030 theo Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh/thành phố:.....(% dân số nông thôn được cấp nước sạch)		(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
I	Danh mục dự án đã dự kiến bố trí vốn từ ngân sách địa phương							(9)
1	Công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn 9 (thôn Đăk Pơ Kông (cũ))	Xã Kon Braih	Xây dựng mới	250	239	31.000		
2	Công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn 8 (thôn Đăk Jri (cũ))	Xã Kon Braih	Xây dựng mới	250	150	7.000	2027	
3	Công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn 11 (thôn Kon Săm Lũ (cũ))	Xã Kon Braih	Xây dựng mới	250	188	7.000	2028	
4	Công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn 1 (thôn 4 (cũ))	Xã Kon Braih	Xây dựng mới	200	163	5.000	2028	
5	Công trình nước sinh hoạt tập trung tại thôn 2 (thôn 6 (cũ))	Xã Kon Braih	Xây dựng mới	200	115	5.000	2029	
II	Danh mục dự án dự kiến huy động từ các nguồn vốn khác(chương trình, dự án khác)							
III	Danh mục dự án đề nghị ngân sách trung ương bố trí vốn bổ sung							
1	Công trình cấp nước sinh hoạt thị trấn Kon Rẫy	Xã Kon Braih	Nâng cấp, sửa chữa	2.000	1.191	15.000	2027-2028	
	Tổng cộng					46.000		

42